

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 377/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc “tranh chấp hụi”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số nhà 465, ấp Phú H, xã Đ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: 1. Bà Trần Thị Kim N2, sinh năm 1984.

2. Ông Huỳnh Mộng L, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: ấp Phú H, xã Đ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Trần Thị Kim N2 và ông Huỳnh Mộng L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N1 số tiền hụi còn nợ là 134.000.000 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu đồng). Ghi nhận bà Nguyễn Thị N1 không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Về án phí:

Bà Trần Thị Kim N2 và ông Huỳnh Mộng L phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí là 1.675.000 đồng (một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và còn nộp đủ số tiền này.

Bà Nguyễn Thị N1 phải chịu án phí là 1.675.000 đồng (một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.400.000 đồng (ba triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011201 ngày 08/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Bà

Nguyễn Thị N1 được nhận lại số tiền 1.725.000 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện Giồng Trôm;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Mộng Tuyền